

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Năm báo cáo: Năm 2014

### PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG



Quang cảnh Nhà máy ô tô Cửu Long - CUU LONG AUTOMOBILE FACTORY

#### 1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tên công ty: Công ty Cổ phần ô tô TMT

Tên giao dịch quốc tế: TMT Motor Joint Stock Company

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100104563

Vốn điều lệ: 308.391.170.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 311.199.147.203 đồng

Địa chỉ: Số 199B phố Minh khai, P Minh Khai, Q Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 043.8628205 Fax: 043.8628703

Website: <http://www.tmt-vietnam.com>

#### 2. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán: TMT

Sàn niêm yết: HOSE

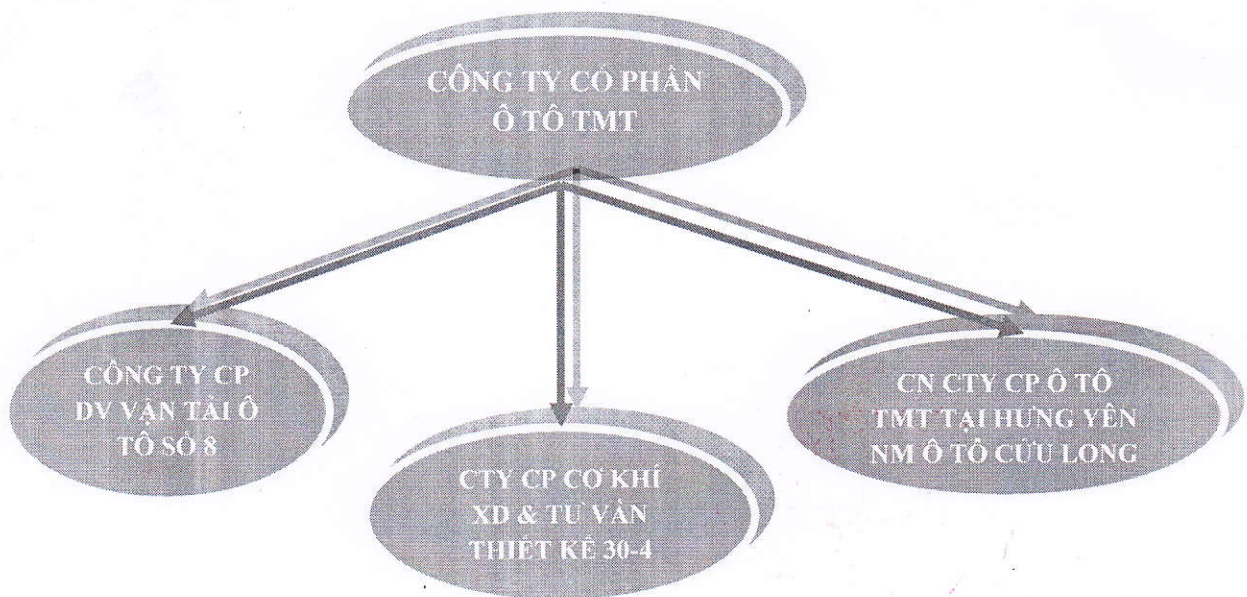
Ngày bắt đầu niêm yết: 22/01/2010

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 30.429.417 cổ phiếu

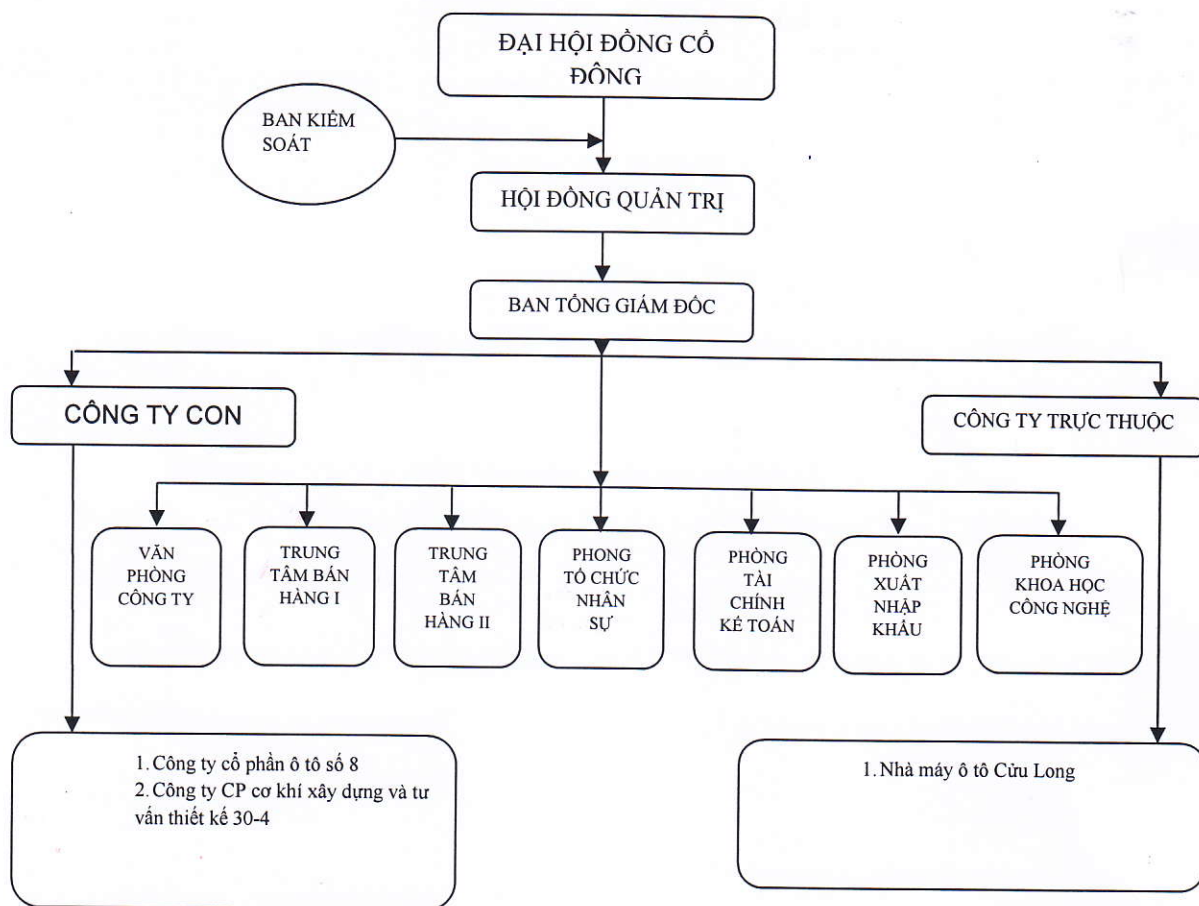
**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
 199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

STT	TÊN NGÀNH
1	Sản xuất và cung ứng vật tư thiết bị cơ khí giao thông vận tải
2	Gia công, phục hồi, kinh doanh vật tư, phụ tùng, phương tiện thiết bị cơ khí, giao thông vận tải
3	Làm dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải
4	Đại lý, kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải hàng hóa
5	Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, nông sản và hàng tiêu dùng
6	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyên khẩu hàng hóa (Trừ loại Nhà nước cấm)
7	Xây dựng công trình giao thông
8	Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu
9	Sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh các loại
10	Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô, xe gắn máy hai bánh
11	Kinh doanh bất động sản (Chi hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
12	Sản xuất, mua bán, lắp ráp, sửa chữa, bảo hành các loại xe ba bánh gắn máy
13	Thiết kế phương tiện giao thông đường bộ

**4. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG**



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC**



**5. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

❖ Trước tháng 4/1993: tiền thân của Công ty là Công ty vật tư thuộc cục cơ khí – Bộ giao thông vận tải, được thành lập ngày 27/10/1976.

❖ Từ năm 1995 đến tháng 8/1997: Giai đoạn Công ty vô cùng khó khăn

❖ Từ tháng 9/1997 đến năm 1999: Các hoạt động kinh doanh của Công ty bắt đầu phát triển và đi vào chiều sâu, thị trường và mặt hàng kinh doanh được mở rộng: Doanh thu đạt 68 tỷ đồng (tăng 54,5% so với năm 1998), thu nhập của cán bộ công nhân viên được cải thiện, đạt 1.300.000 đồng/người/tháng (tăng 102% so với năm 1998). Nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh trước mắt cũng như lâu dài, Công ty đã đầu tư 2.250.000.000 đồng để đổi mới thiết bị và xây dựng mặt bằng, văn phòng làm việc.

❖ Năm 2000: Trụ sở Công ty được chuyển đến địa điểm 199B phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Công ty bắt đầu sản xuất, lắp ráp xe máy hai bánh, lắp ráp động cơ xe gắn máy, đầu tư mua sắm thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Doanh thu đạt 164 tỷ đồng (tăng 141% so với năm 1999), thu nhập của CBCNV đạt 1.800.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội**

---

đồng/người/tháng (tăng 80% so với năm 1999), nộp ngân sách 39,7 tỷ đồng (tăng 271,3% so với năm 1999).

❖ Năm 2001: Công ty đã xây dựng được thương hiệu độc quyền cho xe gắn máy hai bánh Jiulong, doanh thu đạt 333 tỷ đồng (tăng 130% so với năm 2000), thu nhập của CBCNV đạt 2.100.000 đồng/người/tháng (tăng 16,6% so với năm 2000), nộp ngân sách 57,2 tỷ đồng tăng 44% so với năm 2000) tiếp tục đầu tư thiết bị, xây dựng nhà xưởng.

❖ Năm 2002: Khánh thành xưởng sản xuất bộ côn xe gắn máy tại 199B Minh Khai – Hai Bà Trưng –Hà Nội để nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong nước cho sản phẩm xe gắn máy hai bánh thương hiệu Jiulong và bắt đầu vào việc sản xuất, lắp ráp xe gắn máy hai bánh, tập trung đầu tư và giải quyết việc đền bù, san lấp 154.812 m<sup>2</sup> đất tại xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên để chuẩn bị xây dựng Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô Cửu Long và Nhà máy sản xuất lắp ráp xe gắn máy.

❖ Năm 2003: Công ty tiếp tục duy trì và giữ vững việc sản xuất, lắp ráp xe gắn máy hai bánh đồng thời đẩy mạnh việc xây dựng và lắp đặt dây chuyền cho nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô. Đến tháng 12/2003, Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô đã đi vào sản xuất thử. Trong năm này, Công ty đã được tổ chức cam kết chất lượng Quốc tế tặng Cúp Ngôi sao bạch kim.

❖ Năm 2004: Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh từ thương mại và dịch vụ sang mô hình sản xuất công nghiệp là chính. Ngày 29/05/2004, Công ty khánh thành Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô nông dụng Cửu Long. Về lĩnh vực sản xuất, lắp ráp xe gắn máy Công ty đã thiết kế và đăng ký kiểu dáng xe máy độc quyền nhãn hiệu ARROW 6 và được người tiêu dùng ưa chuộng. Vốn đầu tư máy móc thiết bị nhà xưởng lên đến 43.441.000.000 đồng.

❖ Năm 2005: Công ty tiến hành thực hiện cổ phần hóa để chuyển đổi mô hình sở hữu.

❖ Tháng 12/2006: Công ty chuyển đổi mô hình sang Công ty cổ phần theo tiến trình như sau:

❖ Theo quyết định số 1068/QĐ-BGTVT ngày 11/5/2005 của Bộ Giao thông vận tải và việc phê duyệt danh sách các Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam cổ phần hóa trong năm 2005 và Quyết định số 2144/QĐ-BGTVT ngày 24/6/2005 của bộ GTVT về việc thành lập ban chỉ đạo cổ phần Công ty Thương mại và sản xuất vật tư thiết bị GTVT; Ban chỉ đạo cổ phần hóa(CPH) Công ty và đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp đã xác định giá trị thực tế của

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội**

---

doanh nghiệp là 245.960.931.291 đồng. Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 12.744.780.501 đồng.

- Ngày 14/4/2006, bộ Giao thông vận tải có quyết định số 870/QĐ-BGTVT phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại và sản xuất vật tư thiết bị GTVT, Công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Trong đó vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng, cổ phần phát hành lần đầu là 2.500.000 cổ phần. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

+ Cổ đông Nhà nước: 875.000 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ.

+ Cổ đông bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 138.000 cổ phần chiếm 5,544% vốn điều lệ.

+ Cổ phần bán đấu giá công khai 1.486.400 cổ phần, chiếm 59,456% vốn điều lệ.

- Ngày 14/8/2006, Bộ giao thông vận tải có quyết định số 1683/QĐ-BGTVT về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần ô tô TMT như sau: Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần ô tô TMT là 25.000.000.000 đồng tương đương 2.500.000 cổ phần

+ Cổ đông Nhà nước: 1.225.000 cổ phần chiếm 49% vốn điều lệ.

+ Cổ đông bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 138.600 cổ phần chiếm 5,544% vốn điều lệ.

+ Cổ đông bán ưu đãi cho nhà đầu tư chiến lược: 250.000 cổ phần chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Cổ phần bán đấu giá công khai: 886.400 cổ phần, chiếm 35,456% vốn điều lệ.

- Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần và đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 ngày 14/12/2006

❖ Tháng 12/2007 công ty phát hành thêm 2.000.000 tăng vốn điều lệ lên thành 45.000.000.000 đồng. Mục đích tái cơ cấu lại vốn kinh doanh. Doanh thu đạt 977 tỷ đồng vượt 129,3%, lợi nhuận trước thuế đạt 75,5 tỷ đồng đạt 1.208%.

❖ Năm 2008: đầu tư 12.000.000.000 đồng vào công ty cổ phần ô tô số 8.

Xây dựng và khánh thành nhà máy Cửu Long giai đoạn II để phục vụ sản xuất tối thiểu đạt 120 xe một ngày. Đầu tư dây truyền sơn tĩnh điện (ED) để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời là chiến lược phát triển dòng xe du lịch 4 đến 9 chỗ ngồi.

Tháng 12/2008 công ty thực hiện Nghị quyết hội đồng cổ đông tăng vốn điều lệ từ 45.000.000.000 đồng lên 90.000.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội**

---

❖ Tháng 06/2009 phát hành 35.775.000 tăng vốn điều lệ lên 125.775.000.000 đồng theo Nghị quyết số 555/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2009. Thực hiện dự án di dời, mở rộng nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô chỗ ngồi tối đa 60 chỗ và xe hai bánh gắn máy nâng công suất lên 120.000 xe/năm.

❖ Ngày 09/04/2010 thành lập Công ty TNHH sản xuất, lắp ráp ô tô TMT. Tại địa chỉ: Thôn Đình Trà, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

- Ngày 12/02/2010 phát hành 3.773.250 cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 163.507.500.000 đồng theo Nghị quyết số 1256/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2009.

- Tăng vốn điều lệ lên 284.502.360.000 đồng ngày 26/08/2010.

- Đầu tư, lắp ráp và sản xuất xe ô tô TMT với công suất 10.000 xe/năm tại Hưng Yên.

- Hoàn thành thủ tục và nhận bàn giao lô đất 156.321 m<sup>2</sup> tại khu công nghiệp Phố nôi A thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đã sản xuất lắp ráp thành công và đưa ra thị trường tiêu thụ sản phẩm mới là dòng xe tải Hyundai – TMT.

❖ Năm 2011: Giải thể Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe gắn máy theo quyết định số 488/QĐ-TMT-HĐQT ngày 05/05/2011.

❖ Năm 2012: Tạm ngừng hoạt động Chi nhánh Công ty cổ phần ô tô TMT tại tỉnh Bình Dương

❖ Năm 2013: Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị số 953/NQ-TMT-HĐQT ngày 26/12/2013, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện mua 655.601,5 cổ phiếu của Công ty cổ phần cơ khí xây dựng và tư vấn thiết kế 30-4 và trở thành cổ đông lớn nhất nắm giữ cổ phần chi phối đạt tỷ lệ sở hữu 68.11% số lượng cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty cổ phần cơ khí xây dựng và tư vấn thiết kế 30-4.

❖ Cũng trong năm 2013 Hội đồng quản trị đã họp và ra Quyết định rút dự án đầu tư Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô TMT- Chủ đầu tư: Công ty TNHH sản xuất lắp ráp ô tô TMT.

❖ Năm 2014 thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014: Hội đồng quản trị Công ty tiến hành trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần tăng vốn điều lệ lên 308.391.170.000 đồng.

## **6. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Tính đến ngày 31/12/2014 Công ty cổ phần ô tô TMT có 2 công ty con

### **• Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8**

Trụ sở: Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải

Vốn điều lệ đã góp: 10.833.330.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần ô tô TMT (54,17%)

• **Công ty cổ phần cơ khí xây dựng và tư vấn thiết kế 30-4**

Trụ sở: Số 1053, Tổ dân phố Kiên Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh chính: Tư vấn thiết kế và sản xuất các sản phẩm cơ khí.

Vốn điều lệ Công ty cổ phần ô tô TMT đã góp: 16.372.847.976 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần ô tô TMT: 68,11%

## **7. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

- Hoàn thiện đưa vào sử dụng dây chuyền sơn điện ly trong quý II/2015.

- Tiếp tục thực hiện chương trình và lựa chọn đối tác để hợp tác đầu tư sản xuất, lắp ráp, tiêu thụ xe ô tô tải và xe du lịch có thương hiệu và uy tín trên toàn cầu.

- Làm thủ tục xin UBND tỉnh Hưng Yên cấp thêm khu đất khoảng 20ha của cảng cạn liền kề Nhà máy ô tô Cửu Long để mở rộng sản xuất khi triển khai hợp tác toàn diện với Tập đoàn TaTa.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng cho phép thành lập pháp nhân mới, liên doanh hoặc cổ phần để khai thác có hiệu quả 1.300m<sup>2</sup> đất tại 83 Triều Khúc.

- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và tăng quy mô vốn của Công ty.

## **8. CÁC RỦI RO**

- **Bối cảnh chung:** Lạm phát, suy thoái, khủng hoảng kinh tế trong nước và thế giới năm 2014 đã có những khởi sắc. Tuy nhiên, hoạt động SXKD của các Doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần ô tô TMT vẫn còn gặp nhiều khó khăn, bất lợi như: Chính phủ cắt giảm đầu tư công, các dự án công trình bị dừng thi công hoặc giãn tiến độ nên mặc dù Công ty đã đưa ra 8 dòng sản phẩm mẫu mã mới có tính ưu việt cao phù hợp với nhu cầu thị trường đồng thời lãi suất Ngân hàng cho vay giảm, người dân dễ dàng vay vốn hơn để mua xe nhưng do việc làm ít nên sức mua vẫn hết sức hạn chế, thậm chí nhiều chủ xe phải bán rẻ xe đang sử dụng để thu hồi vốn trả nợ Ngân hàng.

### **- Giải pháp:**

+ Về mặt tổ chức sản xuất: Thanh lọc và tuyển dụng nhiều nhân viên, cán bộ chủ chốt có trình độ khá giỏi, phân công công việc hợp lý, đúng người đúng việc, đúng chuyên môn đã làm phát huy được hết khả năng của từng đối tượng dẫn đến hiệu quả sản xuất cao, ổn định được bộ máy tổ chức, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

+ Ban lãnh đạo Công ty nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường đưa ra được những sản phẩm phù hợp, đưa ra nhiều giải pháp tích cực trong việc kích cầu tiêu thụ sản phẩm như các chương trình khuyến mãi, chương trình khoán trên doanh số đối với nhân viên Trung tâm bán hàng và nhiều chính sách hỗ trợ đối với Đại lý.

+ Về mặt tài chính: Ban lãnh đạo Công ty đã phân tích, đánh giá đưa ra các phương hướng xử lý kịp thời các khoản nợ, giữ vững tính thanh khoản, trả nợ đúng hạn, nâng cao hạn mức tín dụng đảm bảo dòng vốn cho hoạt động kinh doanh.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Nhận thức được sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, từ cuối năm 2013 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đưa ra các biện pháp để tái cấu trúc Công ty toàn diện về mọi mặt. Nhờ việc tái cấu trúc nhanh chóng, kịp thời đón bắt đúng đà phục hồi của nền kinh tế, do đó kết quả sản xuất năm 2014 đạt được nhiều thành tựu đáng kể như sau:

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>KQSXKD 2013</b>	<b>KQSXKD 2014</b>	<b>Tỷ lệ tăng trưởng</b>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
1	Doanh thu thuần về bán hàng	Tr đồng	502.703	1.366.372	171,81%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr đồng	7.235	81.249	1.023%
3	Thuế TNDN hiện hành	Tr đồng	1.971	17.185	771,49%
4	Thuế TNDN hoãn lại	Tr đồng	-393	0	
5	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Tr đồng	1.180	1.853	56,99%
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ năm 2014	Tr đồng	4.476	62.210	1.289,84%

*(Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán)*

- Năm 2014 Công ty đã cơ bản sắp xếp được một phần tái cấu trúc công ty, đưa ra được nhiều dòng sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường điều đó đã đem lại một số thành tựu đáng kể, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 171,81%; Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 1.023%; Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2014 tăng 1.289,84%.



**2. Tổ chức nhân sự.**

**❖ Danh sách ban điều hành**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu CP tại 31/12/2014 (%)
1	Bùi Văn Hữu	Tổng giám đốc	9.060.720	29,38%
2	Bùi Quốc Công	Phó Tổng giám đốc	3.281.775	10,64%
3	Đặng Văn Vinh	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/6/2014)	35.626	0,12%
4	Phạm Văn Hồng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/8/2014)	538.216	1,75%
5	Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám Đốc (Miễn nhiệm ngày 28/01/2014)		
6	Trần Văn Hà	Phó Tổng giám đốc	5	0,00%
7	Đào Tiến Thành	Kế toán trưởng kiêm TP TCKT (Miễn nhiệm ngày 15/9/2014)		0.00%
8	Ngô Văn Hân	Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Bổ nhiệm ngày 27/3/2014)		0.00%

**❖ Những thay đổi trong ban điều hành**

▪ Miễn nhiệm ông Trịnh Xuân Nhâm – Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 28/01/2014.

▪ Miễn nhiệm thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc đối với ông Đặng Quang Vinh.

▪ Điều động ông Ngô Văn Hân – Giám đốc tài chính Công ty cổ phần cơ khí xây dựng và tư vấn thiết kế 30-4 về giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán Công ty cổ phần ô tô TMT từ ngày 27/3/2014.

▪ Bổ nhiệm ông Phạm Văn Hồng – Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 01/8/2014.

▪ Miễn nhiệm Kế toán trưởng đối với Ông Đào Tiến Thành từ ngày 15/9/2014 theo Quyết định số: 867/QĐ-TMT-HĐQT ngày 12/6/2014.

❖ **Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

➤ Số lượng cán bộ công nhân viên

Tổng số lượng cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2014: 596 người

<b>Phân theo trình độ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Trên đại học	5	0,84
Đại học	169	28,36
Cao đẳng	142	23,83
Trung cấp và công nhân nghề	254	42,62
Lao động phổ thông	26	4,36

➤ **Chính sách đối với người lao động:**

- Để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ kế hoạch 5 năm sau lạm phát, Công ty đã và đang kiện toàn lại cơ cấu tổ chức nhân sự, tuyển chọn mới những nhân sự giỏi, có trình độ năng lực kinh nghiệm và đảm nhiệm những vị trí quản lý quan trọng. Đồng thời để thu hút và giữ những nhân sự giỏi, Công ty cũng đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn khẩn trương xây dựng quy chế trả lương mới, chính sách thưởng, đãi ngộ, phúc lợi gắn với năng lực và hiệu quả lao động. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giải quyết công việc, kỹ năng giao tiếp... và xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho CBCNV.

- Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội. Tất cả cán bộ công nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng, đủ và kịp thời.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

❖ **Các khoản đầu tư lớn:**

❖ Các công ty con.

- Công ty nắm giữ 54,17% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, Công ty: Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8: 10.833.330.000 đồng (54,17%)

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

- Công ty nắm giữ 68,11% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, Công ty: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và tư vấn thiết kế 30-4: 16.372.847.976 đồng

**4. Tình hình tài chính**

Chi tiêu (Đơn vị: đồng)	Năm 2014	Năm 2013	Tỷ lệ tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	1.226.444.928.858	529.649.215.377	131,56%
Doanh thu thuần	1.366.372.925.824	502.703.223.476	171,81%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	84.602.664.839	7.386.537.044	1.045,36%
Lợi nhuận gộp	163.809.714.300	56.120.770.618	191,89%
Lợi nhuận khác	(3.353.306.633)	(150.761.111)	
Lợi nhuận trước thuế	81.249.358.206	7.235.775.933	1.022,88%
Lợi nhuận sau thuế	64.063.706.912	5.656.819.255	1.032,50%
Chi số tài chính	Năm 2014	Năm 2013	Ghi chú
Chỉ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ&đầu tư ngắn hạn/ Nợ NHạn)	1,12	1,60	
Chỉ số thanh toán nhanh (lần) (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,20	0,47	
Hệ số Nợ phải trả/ Tổng tài sản	73,43%	37,15%	
Hệ số Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	289,39%	61,72%	
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	2,182,35	2,18	
Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/ Tổng tài sản)	1,56	0,88	
ROE - LN sau thuế/ Vốn CSH BQ	20,34%	1,79%	
ROA - Tổng LNST/Tổng tài sản	7,30%	1,00%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT thuần	4,69%	1,13%	
Hệ số LN từ HĐKD/ DT thuần	6,19%	1,47%	

**5. Cơ cấu cổ đông , thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

❖ **Cổ phần**

- Tổng số cổ phần :30.839.117 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 30.429.417 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 30.839.117 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chuyển nhượng: không có

❖ **Cơ cấu cổ đông**

• **Cổ đông trong nước:**

- Cơ cấu cổ đông trong nước:

➤ Cá nhân:

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội**

Số cổ đông: 493

Số cổ phiếu: 20.564.445 cổ phiếu

Tỷ lệ: 66,68%

➤ Tổ chức:

Số cổ đông: 27

Số cổ phiếu: 9.264.333 cổ phiếu

Tỷ lệ: 30,04%

- Các cổ đông cá nhân lớn:

Nội dung	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Bùi Quốc Công	P406, Nhà CT5 Đơn Nguyên, Khu đô thị Định Công, Hà Nội	3.281.775	10,64%
Bùi Văn Hữu	Số 38, Phủ Đồng Thiên Vương, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	9.060.720	29,38%
Bùi Văn Kiên	Số 6, Ngõ 107/10, Hoàng Mai, Hà Nội	2.143.161	6,95%
Lê Tiến Phan	Số 19, Ngõ 312, Bạch Đằng, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.632.824	5,29%
<b>Tổng cộng</b>		<b>16.118.480</b>	<b>52,26%</b>

➤ Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam

Địa chỉ: Số 120 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh:

Số lượng cổ phiếu: 6.650.172 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 21,56%

➤ **Cổ đông nước ngoài:**

- Cơ cấu cổ đông nước ngoài:

➤ Cá nhân:

Số cổ đông: 19

Số cổ phiếu: 138.341 cổ phiếu

Tỷ lệ: 0.45%

➤ Tổ chức:

Số cổ đông: 5

Số cổ phiếu: 871.998 cổ phiếu

Tỷ lệ: 2,83%

- Các cổ đông lớn: không.

❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn chủ sở hữu làm tăng vốn điều lệ từ 284.502.360.000 đồng lên 308.391.170.000 đồng.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **❖ Thuận lợi:**

- Hội đồng quản trị có định hướng đúng cho sản xuất kinh doanh và chỉ đạo sát sao Ban điều hành.

- Công ty đã giữ được tính thanh khoản tốt, trả nợ ngân hàng đúng hạn, trước hạn nên uy tín với ngân hàng tăng, xếp hạng tín dụng tăng.

- Đã tái cấu trúc chủ yếu một số bộ phận quan trọng trong công ty, tuyển dụng bổ sung thêm được một số cán bộ lãnh đạo có trình độ cao cho một số phòng ban, đơn vị nên năng lực, hiệu quả công việc của các phòng, ban, đơn vị được tăng lên.

- Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân lành nghề có kinh nghiệm sản xuất, lắp ráp các loại xe ô tô tải và ô tô khách.

##### **❖ Khó khăn:**

Trong nước nền kinh tế có nhiều dấu hiệu tăng/ giảm tỷ giá, lãi suất và sức mua yếu. Kinh tế thế giới không ổn định, các dự án công trình bị dừng thi công hoặc dẫn tiến độ nên mặc dù Công ty đã đưa các dòng sản phẩm mẫu mã mới phù hợp với Thông tư 42 để người dân dễ dàng vay vốn hơn để mua xe nhưng do việc làm ít nên sức mua vẫn hết sức hạn chế, thậm chí nhiều chủ xe phải bán rẻ xe đang sử dụng để thu hồi vốn trả nợ Ngân hàng.

-Thị trường ô tô hội nhập và bị cạnh tranh gay gắt bởi các hãng xe khác nên Công ty phải thực hiện các chính sách khuyến mại, giảm giá để kích cầu. Chi phí cho việc khuyến mại, giảm giá để đẩy mạnh tiêu thụ và chi phí phát triển sản phẩm mới các chi phí sản xuất đầu vào tăng như vật tư, phụ tùng, điện, nước, vận tải...

- Một số đại lý bán xe ô tô Cửu Long gặp khó khăn về tài chính do đầu tư vào bất động sản nên không tập trung bán xe dẫn đến thị trường bị bỏ trống, thị phần và sản lượng tiêu thụ giảm sút so với kế hoạch. Một số Đại lý còn lại chỉ hoạt động cầm chừng, không thực hiện tốt các hoạt động dịch vụ sau bán hàng, không thực hiện việc phát triển thị trường, không trưng bày đầy đủ sản phẩm của Cửu Long, chỉ bán khi có khách hàng.

- Một số phòng, ban đơn vị phối hợp chưa chặt chẽ, nhịp nhàng với nhau nên công việc giải quyết chưa kịp thời.

#### **2. Tình hình tài chính**

**2.1. Tình hình tài sản**

- Tổng tài sản của Công ty cổ phần ô tô TMT tại 31/12/2014 đạt 1.226,44 tỷ đồng. So với năm 2012, tổng tài sản tăng 696,79 tỷ tương đương 131,56%, trong đó tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2014 là 237,53 tỷ đồng.

- Tại ngày 31/12/2014, vốn chủ sở hữu là 311,20 tỷ đồng giảm 7,55 tỷ đồng tương ứng giảm 2,37% so với năm 2013. Nguyên nhân là do trong năm công ty tiến hành chi trả cổ tức năm 2013 và tạm ứng cổ tức năm 2014 từ nguồn lợi nhuận sau thuế.

**2.2. Tình hình nợ phải trả**

Tổng nợ phải tại 31/12/2014 là 900,59 tỷ đồng tăng 703,84 tỷ đồng tương ứng tăng 357,74% so với năm 2013. Nguyên nhân các khoản Nợ phải trả tăng lên chủ yếu là nợ ngắn hạn, do nhu cầu vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh tăng nên đồng thời các khoản vay ngắn hạn cũng tăng. Hơn nữa công nợ phải trả nhà cung cấp tại các thời điểm ngắn hạn cũng tăng do nhu cầu nhập hàng phục vụ sản xuất kinh doanh.

**2.3. Hệ số khả năng thanh toán**

Năm 2014, các hệ số thanh toán của Công ty cổ phần ô tô TMT có biến đổi lớn ở một số chỉ tiêu. Khả năng thanh toán hiện hành là 1,12 và khả năng thanh toán nhanh là 0,02.

<b>Chi tiêu</b>	<b>2014</b>	<b>2013</b>	<b>Ghi chú</b>
Chỉ số thanh toán ngắn hạn	1.12	1.60	
Chỉ số thanh toán nhanh	0.20	0.47	

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Tiếp tục lộ trình tái cấu trúc toàn bộ Công ty, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao năng lực cạnh tranh, quản lý và sử dụng tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch tài chính gắn liền với chiến lược phát triển của Công ty. Phát triển Công ty theo mô hình năng động, linh hoạt, tập trung vào các lợi thế của Công ty.

- Công ty chấp hành đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý đã tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

##### **4.1. Kế hoạch tại Công ty mẹ**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Tỷ lệ % so với năm 2014
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng xe tiêu thụ	Chiếc	2.914	7.892	270,83%
2	Doanh thu bán hàng	Tr đồng	1.313.595	3.804.017	289,59%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	78.542	192.000	244,45%
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	Tr đồng	62.490	150.000	240,04%

##### **4.2. Định hướng phát triển 2015.**

- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và tăng quy mô vốn của Công ty.

- Tiếp tục thuê thêm đất để mở rộng sản xuất.

##### **4.3. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội khác:**

- Đảm bảo thu nhập bình quân đầu người năm 2015 là 6.000.000 đồng/tháng.

- Thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

- Tạo môi trường làm việc tốt để CBCNV phát huy hết năng lực của mình đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty; hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Làm tốt công tác từ thiện xã hội để quảng bá và nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về mặt hoạt động của Công ty**

Nền kinh tế thế giới đã thoát đáy thời điểm quý III/2013 và đang trở lại quỹ đạo tăng trưởng. Theo đó, Chính phủ Việt Nam đã từng bước ra nhiều giải pháp để hỗ trợ tổng cầu thúc đẩy sức mua hỗ trợ các doanh nghiệp như: tăng đầu tư trái phiếu Chính phủ, chính sách nới lỏng tiền tệ như giảm lãi suất; giảm chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới, chính sách kiểm soát và ổn định tỷ giá. Những chính sách hỗ trợ của Chính phủ đã tác động không nhỏ đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần ô tô TMT nói riêng như:

- Chính sách nói lỏng tiền tệ: giảm lãi suất cho vay đã giúp người dân dễ dàng vay vốn hơn để mua xe, các doanh nghiệp cũng nhờ đó giảm được chi phí tài chính hạ giá thành theo đó giá bán sản phẩm cũng giảm theo.

- Năm bắt được nhu cầu thị trường, Công ty đã đưa ra được nhiều sản phẩm có thiết kế và tải trọng phù hợp và có tính cạnh tranh cao với các doanh nghiệp cùng ngành. Đồng thời đưa ra được nhiều giải pháp, nhiều chương trình để kích cầu tiêu thụ sản phẩm.

- Chủ trương của chính phủ về việc kiểm soát chặt chẽ tải trọng xe cũng ảnh hưởng rất lớn đến thị trường xe tải năm 2014.

### **2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

- Với nhận thức năm 2014 là một năm khởi sắc của nền kinh tế nên ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đưa ra các biện pháp kích cầu phù hợp và tập trung toàn lực cho công tác bán hàng nên kết quả SXKD trong năm qua vượt xa ngoài mong đợi.

- Ban Tổng giám đốc đã thường xuyên báo cáo cho các thành viên Hội đồng quản trị, cung cấp đầy đủ thông tin, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty.

- Qua quá trình kiểm tra giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các giải pháp tích cực, nắm bắt đúng nhịp phát triển của thị trường đưa ra được những sản phẩm phù hợp làm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Khi gặp khó khăn vướng mắc ngoài thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã kịp thời báo cáo trao đổi trực tiếp với Hội đồng quản trị để chỉ đạo góp ý những giải pháp cụ thể tháo gỡ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Hoàn thiện đưa vào sử dụng dây chuyền sơn điện ly trong quý II/2015.

- Tiếp tục thực hiện chương trình và lựa chọn đối tác để hợp tác đầu tư sản xuất, lắp ráp, tiêu thụ xe ô tô tải và xe du lịch có thương hiệu và uy tín trên toàn cầu.

- Làm thủ tục xin UBND tỉnh Hưng Yên cấp thêm khu đất khoảng 20ha của cảng cạn liền kề Nhà máy ô tô Cửu Long để mở rộng sản xuất khi triển khai hợp tác toàn diện với Tập đoàn TaTa.

- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và tăng quy mô vốn của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội**

- Chuyển đổi mục đích sử dụng cho phép thành lập pháp nhân mới, liên doanh hoặc cổ phần để khai thác có hiệu quả 1.300m<sup>2</sup> đất tại 83 Triều Khúc

Tiếp tục tái cấu trúc Công ty để có được bộ máy tổ chức gọn nhẹ, tinh nhuệ, hiệu quả.

Tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, nhất là giám sát trong các lĩnh vực sau:

- Giám sát hoạt động tài chính – kế toán toàn Công ty.
- Giám sát công tác tổ chức – cán bộ.
- Giám sát thực hiện vệ sinh, an toàn lao động tại Nhà máy ô tô Cửu Long và vệ sinh an toàn thực phẩm tại Nhà ăn tập thể.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu CP tại 31/12/2014 (%)
1	Bùi Văn Hữu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	9.060.720	29,38%
2	Bùi Quốc Công	Thành viên Hội đồng quản trị	3.281.775	10,64%
3	Đỗ Mạnh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 09/5/2014)		
3	Đặng Văn Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 12/6/2014)	35.626	0,12%
4	Phạm Văn Hồng	Thành viên Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm ngày 01/8/2014)	538.216	1,75%
5	Bùi Văn Kiên	Thành viên Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm ngày 09/5/2014)	2.143.161	6,95%
6	Trần Văn Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	5	0,00%
7	Ngô Văn Hân	Thành viên Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm ngày 12/6/2014)		0.00%

#### **b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Công ty sử dụng các phòng ban trong bộ máy điều hành, chưa thành lập các tiêu ban trong HĐQT để giúp việc độc lập. Hướng tới HĐQT sẽ phân công các thành viên HĐQT độc lập không điều hành phụ trách các mặt công tác khen thưởng, nhân sự và phát triển doanh nghiệp.

#### **c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, giám sát và đôn đốc Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

❖ Trong năm Hội đồng quản trị đã thường xuyên và định kỳ thực hiện việc kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty trong hoạt động điều hành, hoạt động tài chính, chấp hành Điều lệ Công ty, quy chế, nghị quyết và Quyết định của HĐQT, Chấp hành luật pháp của Nhà nước. Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ các giao dịch của cổ đông lớn và đặc biệt là các thành viên trong ban lãnh đạo Công ty, thông qua việc thực hiện công bố thông tin, đã góp phần nâng cao trách nhiệm của HĐQT trước các cổ đông, tạo điều kiện cho các cổ đông trong việc giám sát HĐQT.

**d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng, đồng thời cũng đề ra phương hướng, chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm góp phần đưa Công ty phát triển đúng định hướng.

**e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:** không có

**2. Ban kiểm soát**

**a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu TMT		Tỷ lệ (%)	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân	Đại diện	Sở hữu cá nhân
1	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban KS		2.986		0,01
2	Nguyễn Việt Long	Thành viên Ban KS		9.774		0,03
3	Nguyễn Ngọc Kiến	Thành viên Ban KS		16.497		0,05

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, cụ thể là:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng/quý, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014; các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong quá trình sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội**

xuất kinh doanh trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

- Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Ban kiểm soát đã họp định kỳ và đột xuất để xem xét báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn, trao đổi thông tin để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, xem xét việc chấp hành pháp luật, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

- Tham gia trực tiếp công tác kiểm kê tài sản Công ty năm 2014, đóng góp các ý kiến cho HĐQT và ban Tổng Giám đốc về quản lý tài sản vật tư sau khi hoàn thành công tác kiểm kê.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng/ban/ đơn vị trực thuộc Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

**3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích:**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chủ trương Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua mức chi thù lao cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát là 1,5 tỷ đồng.

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %	
1	Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc (Chủ tịch HĐQT)	5.226.245	18,37	9.060.720	29,38	Tăng: do mua CP; được thưởng bằng CP
2	Phạm Văn Hồng	Ủy viên HĐQT	838.345	1,35	538.216	1,75	-Giảm: do bán CP -Tăng: được thưởng bằng CP
3	Trần Văn Hà	P. Tổng Giám đốc (Ủy viên HĐQT)	30.405	0,11	5	0,00	Giảm: do bán CP
4	Bùi Quốc Công	P. Tổng Giám đốc (Ủy viên HĐQT)	3.024.120	10,63	3.281.775	10,64	Tăng: Được thưởng bằng CP

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
199B Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội

5	Bùi Văn Kiên	P. GĐ NMCL (Ủy viên HĐQT)	1.974.900	6,95	2.143.161	6,95	Tăng: Được thưởng bằng CP
6	Lê Tiến Phan	Giám đốc NATT (Ủy viên HĐQT)	1.504.630	5,29	1.632.824	5,29	Tăng: Được thưởng bằng CP
7	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	11.967	0,04	2.986	0,01	Giảm: Do bán CP
8	Nguyễn Việt Long	TV Ban Kiểm soát	9.007	0,03	9.774	0,03	Tăng: Được thưởng bằng CP
9	Nguyễn Ngọc Kiến	TV Ban Kiểm soát	15.202	0,053	16.497	0,05	Tăng: Được thưởng bằng CP

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**

Trong năm 2014 không có thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

**d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.**

Hội đồng quản trị thực hiện việc quản lý và quản trị công khai, dân chủ và minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Công ty niêm yết về công tác kiểm toán và báo cáo định kỳ kết quả kiểm toán và quản trị 6 tháng, năm và thường niên. Các báo cáo kiểm toán đều được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT TP Hồ Chí Minh
- <http://www.tmt-vietnam.com>
- Lưu; VPCT, HĐQT, BKS

Hà Nội, ngày 10 tháng 2 năm 2015

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Hữu**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 308.391.170.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản
- Gia công cấu kiện thép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

#### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35).

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;	
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;	
Ông Ngô Văn Hân	Ủy viên;	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đặng Quang Vinh	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;	
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên;	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên;	
Ông Lê Tiến Phan	Ủy viên.	

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Đặng Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Phạm Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc;	Bỏ nhiệm từ ngày 01 tháng 8 năm 2014
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2014
Ông Đào Tiến Thành	Kế toán trưởng;	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2014
Ông Ngô Văn Hân	Trưởng phòng tài chính kế toán.	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2014

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc *UV*

Tổng Giám đốc



*Bui Van Huu*

Bùi Văn Hữu

46  
HÀ  
Y T  
TU  
KẾ  
ATC  
VIỆ  
- T  
57  
3  
H  
T  
A  
V



AASCN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD

Số : 08.../2015/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT, được lập ngày 26 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

#### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

#### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>988.918.371.194</b>	<b>298.519.202.262</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>41.612.128.847</b>	<b>25.760.761.390</b>
1.	Tiền	111		41.612.128.847	9.760.761.390
2.	Các khoản tương đương tiền	112		0	16.000.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>12.168.000.000</b>	<b>20.545.497.000</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		12.168.000.000	20.545.497.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.886.758.158</b>	<b>30.635.936.403</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		38.434.769.843	25.988.052.875
2.	Trả trước cho người bán	132		7.873.372.100	3.392.578.512
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	7.617.665.725	5.238.371.354
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3.039.049.510)	(3.983.066.338)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>813.382.181.107</b>	<b>210.626.209.728</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	813.382.181.107	210.626.209.728
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>70.869.303.082</b>	<b>10.950.797.741</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.836.309.543	1.050.523.397
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.510.101.100	361.205.085
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	5.263.580.828	2.849.213.818
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	17.259.311.611	6.689.855.441

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>237.526.557.664</b>	<b>231.130.013.115</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4.	Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>201.631.875.148</b>	<b>195.520.388.668</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	55.834.308.245	49.384.154.588
	- Nguyên giá	222		181.943.900.165	169.641.368.271
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(126.109.591.920)	(120.257.213.683)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	16.026.750	27.339.750
	- Nguyên giá	228		158.939.000	158.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(142.912.250)	(131.599.250)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	145.781.540.153	146.108.894.330
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Nguyên giá	241		0	0
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>500.451.200</b>	<b>500.280.800</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	501.073.530	501.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.11	(622.330)	(792.730)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.764.716.059</b>	<b>17.743.215.584</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	19.764.716.059	17.743.215.584
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>VI.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>V.13</b>	<b>15.629.515.257</b>	<b>17.366.128.063</b>
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.226.444.928.858</b>	<b>529.649.215.377</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>900.590.428.271</b>	<b>196.747.500.641</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>886.519.476.604</b>	<b>186.358.005.551</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	276.206.315.731	90.818.400.150
2.	Phải trả người bán	312	V.15	550.659.046.647	62.418.371.245
3.	Người mua trả tiền trước	313		33.146.529.435	10.248.258.825
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.857.255.939	8.027.810.090
5.	Phải trả người lao động	315		3.508.688.043	1.765.227.321
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	2.827.450.745	3.097.714.840
7.	Phải trả nội bộ	317		0	0
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	10.629.438.872	9.945.492.146
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		684.751.192	36.730.934
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.070.951.667</b>	<b>10.389.495.090</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.19	9.710.400.000	7.610.400.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	4.330.791.667	2.749.847.090
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		29.760.000	29.248.000
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>311.199.147.203</b>	<b>318.749.789.487</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>311.199.147.203</b>	<b>318.749.789.487</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		308.391.170.000	284.502.360.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		956.560.833	24.845.370.833
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		483.226.387	483.226.387
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.343.113.240	806.390.333
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		667.551.784	130.835.807
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.038.514.606	16.662.595.774
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>C.</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>14.655.353.384</b>	<b>14.151.925.249</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.226.444.928.858</b>	<b>529.649.215.377</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)****CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		0	0
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		11.319.786.900	11.319.786.900
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		1.669,23	677,80
	EUR		713,53	84,51
	JPY		0	0
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc

Đỗ Xuân Quang

Ngô Văn Hân



Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Năm 2014**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.367.487.637.692	547.474.587.107
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.114.711.868	44.771.363.631
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.03	<b>1.366.372.925.824</b>	<b>502.703.223.476</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	1.202.563.211.524	446.582.452.858
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>163.809.714.300</b>	<b>56.120.770.618</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	3.319.804.701	9.351.969.593
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	24.280.425.371	9.850.084.158
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.463.423.007	8.454.240.800
8.	Chi phí bán hàng	24		21.908.455.821	21.017.908.924
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.337.972.970	27.218.210.085
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>84.602.664.839</b>	<b>7.386.537.044</b>
11.	Thu nhập khác	31		7.943.699.069	166.971.534
12.	Chi phí khác	32		11.297.005.702	317.732.645
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(3.353.306.633)</b>	<b>(150.761.111)</b>
14.	<b>Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh</b>	45		<b>0</b>	<b>0</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>81.249.358.206</b>	<b>7.235.775.933</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	17.185.651.294	1.971.992.828
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	0	(393.036.150)
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>64.063.706.912</b>	<b>5.656.819.255</b>
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.853.692.957	1.180.748.303
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		62.210.013.955	4.476.070.952
19.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.09	<b>2.044</b>	<b>160</b>

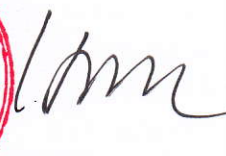
Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Đỗ Xuân Quang

Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.407.435.378.605	591.969.506.403
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.249.449.014.288)	(444.274.458.343)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(53.869.643.092)	(27.482.942.964)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(7.241.416.872)	(14.693.839.152)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(12.731.250.433)	(970.742.043)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.982.318.682	36.273.162.893
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(201.946.631.531)	(40.352.514.275)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(102.820.258.929)</b>	<b>100.468.172.520</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(13.294.660.754)	(4.492.857.135)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	58.464.317.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.138.000.000)	(30.103.122.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.515.497.000	20.382.718.273
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(15.913.506.441)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	1.395.201.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.295.000.558	2.490.817.946
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.622.163.196)</b>	<b>32.223.568.643</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.265.028.198.033	383.311.846.309
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.075.939.490.785)	(508.293.527.190)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.793.218.600)	0
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>120.295.488.648</b>	<b>(124.981.680.881)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>15.853.066.523</b>	<b>7.710.060.282</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>25.760.761.390</b>	<b>18.050.369.965</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.699.066)	331.143
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>41.612.128.847</b>	<b>25.760.761.390</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

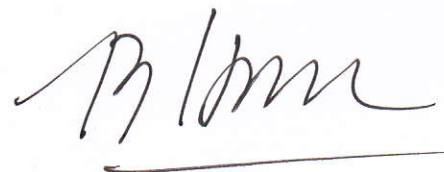
Tổng Giám đốc



Đỗ Xuân Quang



Ngô Văn Hân



Bùi Văn Hữu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2014

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và thương mại.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các Công ty con trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công cấu kiện thép.

**04. Công ty con được hợp nhất**

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	54,17%	54,17%	54,17%
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tô dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	68,11%	68,11%	68,11%
Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp ô tô TMT	Thôn Đình Trà, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	0	0	100%

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### **03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **02. Cơ sở hợp nhất**

##### *Công ty con*

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### **03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm kế toán.

**04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm

**06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**08. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

**09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và bổ sung từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	17.294.660.374	1.896.453.797
- Tiền gửi ngân hàng	24.317.468.473	7.864.307.593
- Các khoản tương đương tiền	0	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.612.128.847</b>	<b>25.760.761.390</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>12.168.000.000</b>	<b>20.545.497.000</b>
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Đầu tư ngắn hạn khác	12.168.000.000	20.545.497.000
+ Cho cán bộ công nhân viên vay (*)	8.548.000.000	14.545.497.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	3.620.000.000	6.000.000.000
<b>b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>12.168.000.000</b>	<b>20.545.497.000</b>

(\*): Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	7.617.665.725	5.238.371.354
+ Tiền lãi dự thu của các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	293.525.000	940.029.850
+ Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của công ty TNHH TM và sản xuất Thiên Trường An (*)	1.250.000.000	2.250.000.000
+ Các khoản phải thu khác	6.074.140.725	2.048.341.504
<b>Cộng</b>	<b>7.617.665.725</b>	<b>5.238.371.354</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	24.920.863.316	8.545.000
- Nguyên liệu, vật liệu	171.179.021.568	31.062.448.427
- Công cụ, dụng cụ	39.974.377	26.499.496
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	120.176.538.127	50.858.815.616
- Thành phẩm	120.297.103.498	22.294.420.205
- Hàng hoá	181.534.832.710	7.634.266.739
- Hàng gửi đi bán	195.233.847.511	98.741.214.245
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>813.382.181.107</u></b>	<b><u>210.626.209.728</u></b>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	28.720.099
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.796.664	63.796.664
- Thuế xuất, nhập khẩu	5.089.673.128	1.957.473.858
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	747.768.013
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	110.111.036	51.455.184
<b>Cộng</b>	<b><u>5.263.580.828</u></b>	<b><u>2.849.213.818</u></b>

**06. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	636.368.474	488.086.286
- Tạm ứng	5.442.642.713	5.519.665.896
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.180.300.424	682.103.259
<b>Cộng</b>	<b><u>17.259.311.611</u></b>	<b><u>6.689.855.441</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

07. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>96.423.950.444</b>	<b>38.026.635.297</b>	<b>29.614.816.454</b>	<b>1.527.785.348</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>169.641.368.271</b>
- Mua trong năm		0	1.223.850.682	9.719.557.471	0	0	10.943.408.153
- Đầu tư XDCB hoàn thành		1.424.039.542	0	0	0	0	1.424.039.542
- Tăng khác		0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư		0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán		(64.915.801)	0	0	0	0	(64.915.801)
- Giảm khác		0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>97.783.074.185</b>	<b>39.250.485.979</b>	<b>39.334.373.925</b>	<b>1.527.785.348</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>181.943.900.165</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>57.067.726.391</b>	<b>37.352.563.232</b>	<b>20.309.443.628</b>	<b>1.479.299.704</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>120.257.213.683</b>
- Khấu hao trong năm		3.608.301.844	394.397.657	1.895.093.075	19.501.462	0	5.917.294.038
- Tăng khác		0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư		0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán		(64.915.801)	0	0	0	0	(64.915.801)
- Giảm khác		0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>60.611.112.434</b>	<b>37.746.960.889</b>	<b>22.204.536.703</b>	<b>1.498.801.166</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>126.109.591.920</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>		<b>39.356.224.053</b>	<b>674.072.065</b>	<b>9.305.372.826</b>	<b>48.485.644</b>	<b>0</b>	<b>49.384.154.588</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>		<b>37.171.961.751</b>	<b>1.503.525.090</b>	<b>17.129.837.222</b>	<b>28.984.182</b>	<b>0</b>	<b>55.834.308.245</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 85.847.427.796 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.848.796.563 đồng và 4.182.987.523 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>158.939.000</i>	<i>158.939.000</i>
- Mua trong năm	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>158.939.000</i>	<i>158.939.000</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>131.599.250</i>	<i>131.599.250</i>
- Khấu hao trong năm	11.313.000	11.313.000
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>142.912.250</i>	<i>142.912.250</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>27.339.750</i>	<i>27.339.750</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>16.026.750</i>	<i>16.026.750</i>

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô thương hiệu toàn cầu	143.967.441.473	145.359.107.094
- Công trình khác	1.814.098.680	749.787.236
<b>Cộng</b>	<b>145.781.540.153</b>	<b>146.108.894.330</b>

**10. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>501.073.530</b>		<b>501.073.530</b>
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	24	679.000	24	679.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	394.530	6	394.530
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>501.073.530</b>		<b>501.073.530</b>

**11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</i>	<i>(622.330)</i>	<i>(792.730)</i>
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	(335.800)	(501.400)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	(286.530)	(291.330)
<b>Cộng</b>	<b>(622.330)</b>	<b>(792.730)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	3.477.878.986	595.406.845
- Chi phí đèn bù, san lấp mặt bằng	15.365.126.135	15.758.346.227
- Chi phí trả trước dài hạn khác	921.710.938	1.389.462.512
<b>Cộng</b>	<b><u>19.764.716.059</u></b>	<b><u>17.743.215.584</u></b>

**13. Lợi thế thương mại**

	<u>Giá trị lợi thế thương mại đầu năm</u>	<u>Giá trị lợi thế thương mại phát sinh tăng</u>	<u>Số đã phân bổ trong năm</u>	<u>Giá trị còn lại cuối năm</u>
- Lợi thế thương mại do đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	17.366.128.063	0	1.736.612.806	15.629.515.257
<b>Cộng</b>	<b><u>17.366.128.063</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>1.736.612.806</u></b>	<b><u>15.629.515.257</u></b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b><u>276.206.315.731</u></b>	<b><u>90.818.400.150</u></b>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>275.238.629.731</i>	<i>90.456.300.150</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(a)</sup>	85.608.368.779	63.304.881.963
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(b)</sup>	181.369.844.392	20.131.853.011
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(c)</sup>	8.260.416.560	7.019.565.176
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>967.686.000</i>	<i>362.100.000</i>
+ Công ty Cổ phần Cao su chất dẻo Đại Mỹ	0	50.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Minh Chính	0	100.000.000
+ Ông Phạm Trung Nghĩa	112.100.000	112.100.000
+ Bà Nguyễn Thu Thủy	0	100.000.000
+ Ông Nguyễn Văn Chính	300.000.000	0
+ Ông Nguyễn Văn Thắng	555.586.000	0
<b>Cộng</b>	<b><u>276.206.315.731</u></b>	<b><u>90.818.400.150</u></b>

(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 7%/năm đến 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất tại Hưng Yên.

(b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.

(c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 7,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả người bán trong nước	42.845.741.579	24.537.508.904
- Phải trả người bán nước ngoài	507.813.305.068	37.880.862.341
<b>Cộng</b>	<b>550.659.046.647</b>	<b>62.418.371.245</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	331.295.887	2.953.476.288
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.875.054.218	1.168.421.370
- Thuế thu nhập cá nhân	1.679.978.077	329.202.670
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.938.214.021	3.540.996.026
- Các loại thuế khác	32.713.736	35.713.736
<b>Cộng</b>	<b>8.857.255.939</b>	<b>8.027.810.090</b>

**17. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	1.317.979.650	2.058.189.840
- Chi phí vận chuyển	906.110.951	0
- Khác	603.360.144	1.039.525.000
<b>Cộng</b>	<b>2.827.450.745</b>	<b>3.097.714.840</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	3.720.158.495	3.619.798.749
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	3.681.746.560	3.129.671.220
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	1.108.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.227.533.817	2.088.022.177
<b>Cộng</b>	<b>10.629.438.872</b>	<b>9.945.492.146</b>

**19. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.700.000.000	7.600.000.000
- Phải trả dài hạn khác	10.400.000	10.400.000
<b>Cộng</b>	<b>9.710.400.000</b>	<b>7.610.400.000</b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>630.000.000</b>
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>3.820.791.667</i>	<i>0</i>
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	3.820.791.667	0
- <i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>510.000.000</i>	<i>630.000.000</i>
+ Công ty Cổ phần đại lý Ford Thủ Đô	510.000.000	630.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>2.119.847.090</b>
- <i>Nợ thuế tài chính</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- <i>Nợ dài hạn khác</i>	<i>0</i>	<i>2.119.847.090</i>
<b>Cộng</b>	<b>4.330.791.667</b>	<b>2.749.847.090</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.845.370.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>806.390.333</b>	<b>130.835.807</b>	<b>12.305.691.452</b>	<b>314.392.885.165</b>
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm trước	0	0	0	0	0	0	4.476.070.952	4.476.070.952
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	(119.166.630)	(119.166.630)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.845.370.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>806.390.333</b>	<b>130.835.807</b>	<b>16.662.595.774</b>	<b>318.749.789.487</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.845.370.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>806.390.333</b>	<b>130.835.807</b>	<b>16.662.595.774</b>	<b>318.749.789.487</b>
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần trong năm nay	23.888.810.000	(23.888.810.000)	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm nay	0	0	0	0	0	0	62.210.013.955	62.210.013.955
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Phân phối lợi nhuận trong năm nay	0	0	0	0	406.707.674	406.707.674	(70.013.341.622)	(69.199.926.274)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	0	0	0	0	130.015.233	130.008.303	(820.753.501)	(560.729.965)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>1.343.113.240</b>	<b>667.551.784</b>	<b>8.038.514.606</b>	<b>311.199.147.203</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	66.501.720.000	61.280.620.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	241.889.450.000	223.221.740.000
<b>Cộng</b>	<b><u>308.391.170.000</u></b>	<b><u>284.502.360.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	284.502.360.000	284.502.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	23.888.810.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	308.391.170.000	284.502.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	68.793.218.600	0

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2013 là 05% và chi tạm ứng cổ tức năm 2014 là 18%.

**e. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.839.117	28.450.236
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	257.383.435.467	13.098.183.602
- Doanh thu bán thành phẩm	1.058.957.560.526	492.939.946.796
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.555.425.408	41.436.456.709
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	298.970.836	0
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.292.245.455	0
<b>Cộng</b>	<b><u>1.367.487.637.692</u></b>	<b><u>547.474.587.107</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giảm giá hàng bán	31.363.636	386.818.178
- Hàng bán bị trả lại	1.083.348.232	44.384.545.453
<b>Cộng</b>	<b><u>1.114.711.868</u></b>	<b><u>44.771.363.631</u></b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	257.383.435.467	13.098.183.602
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.057.842.848.658	448.168.583.165
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	42.555.425.408	41.436.456.709
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	298.970.836	0
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	8.292.245.455	0
<b>Cộng</b>	<b><u>1.366.372.925.824</u></b>	<b><u>502.703.223.476</u></b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	239.735.936.140	14.312.563.994
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	923.839.047.494	394.633.468.064
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.377.036.175	37.636.420.800
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	112.567.620	0
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	5.498.624.095	0
<b>Cộng</b>	<b><u>1.202.563.211.524</u></b>	<b><u>446.582.452.858</u></b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.623.495.708	2.199.472.039
- Lãi từ chuyển nhượng đầu tư dài hạn	25.000.000	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	177.121.318	18.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	406.987.894	8.494.273
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.767.179	231.566.972
- Lãi bán hàng trả chậm	44.432.602	0
- Lãi Sở Tài chính Hưng Yên trả do thanh lý hợp đồng thuê đất	0	6.892.298.309
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	20.120.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.319.804.701</u></b>	<b><u>9.351.969.593</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	7.463.423.007	8.454.240.800
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	12.065.378.000	776.081.279
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	0	1.690.265.613
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.423.354.408	818.056.277
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	259.693.951	45.934.398
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(170.400)	(1.937.982.213)
- Chi phí tài chính khác	56.531.704	3.488.004
<b>Cộng</b>	<b>24.280.425.371</b>	<b>9.850.084.158</b>

**07. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thu hoàn thuế nhập khẩu đã nộp	6.556.796.356	0
- Thu nhập khác	1.386.902.713	166.971.534
<b>Cộng</b>	<b>7.943.699.069</b>	<b>166.971.534</b>

**08. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thuế nhập khẩu truy nộp	10.564.025.457	0
- Chi phí khác	732.980.245	317.732.645
<b>Cộng</b>	<b>11.297.005.702</b>	<b>317.732.645</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.185.651.294	1.971.992.828
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>17.185.651.294</b>	<b>1.971.992.828</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0	0
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	(393.036.150)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>0</b>	<b>(393.036.150)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	62.210.013.955	4.476.070.952
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	62.210.013.955	4.476.070.952
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.429.417	28.040.536
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.044</b>	<b>160</b>

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.120.927.426.981	380.132.793.750
- Chi phí nhân công	54.113.177.255	34.928.473.712
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.928.607.038	7.271.878.051
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.271.671.551	35.627.708.654
- Chi phí khác bằng tiền	22.239.591.589	14.561.935.950
<b>Cộng</b>	<b>1.246.480.474.414</b>	<b>472.522.790.116</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp.	137.098.385	0
- Tặng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ Thặng dư vốn cổ phần	23.888.810.000	0

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của Ban lãnh đạo Công ty như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	2.612.542.900	1.762.585.900

**02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

***Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận tải;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô.
- Gia công cấu kiện thép;
- Lĩnh vực khác: Xây dựng công trình giao thông; kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Sản xuất	Xây dựng	Dịch vụ	Gia công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
<b>Năm nay</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.044.742.816.060	42.555.425.408	257.383.435.467	13.100.032.598	8.591.216.291	1.366.372.925.824
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	970.316.620.313	35.729.876.730	255.208.599.016	13.437.514.685	7.077.650.241	1.281.770.260.985
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	74.426.195.747	6.825.548.678	2.174.836.451	(337.482.087)	1.513.566.050	84.602.664.839
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	653.282.998	759.962.461	596.358.394	2.433.839.931	540.024.694	4.983.468.478
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.657.757.350	1.476.192.700	1.884.953.472	457.900.193	93.936.668	6.570.740.383
<b>Số dư cuối năm</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	873.082.573.173	19.110.915.378	234.424.684.214	15.914.662.990	14.501.997.799	1.157.034.833.554
- Tài sản không phân bổ						69.410.095.304
<b>Tổng tài sản</b>	<b>873.082.573.173</b>	<b>19.110.915.378</b>	<b>234.424.684.214</b>	<b>15.914.662.990</b>	<b>14.501.997.799</b>	<b>1.226.444.928.858</b>
- Nợ phải trả bộ phận	689.621.933.806	3.327.879.609	175.380.484.469	18.396.688.913	3.976.303.281	890.703.290.078
- Nợ phải trả không phân bổ						9.887.138.193
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>689.621.933.806</b>	<b>3.327.879.609</b>	<b>175.380.484.469</b>	<b>18.396.688.913</b>	<b>3.976.303.281</b>	<b>900.590.428.271</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Sản xuất	Xây dựng	Dịch vụ	Giá công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
<b>Năm trước</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	447.962.483.136	41.294.313.068	13.446.427.272	0	0	502.703.223.476
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	441.804.464.302	40.013.717.761	13.498.504.368	0	0	495.316.686.432
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	6.158.018.834	1.280.595.307	(52.077.096)	0	0	7.386.537.044
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.834.061.858	808.815.723	250.035.890	0	0	4.892.913.471
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.590.324.880	1.820.180.476	562.687.436	0	0	8.973.192.792
<b>Số dư đầu năm</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	459.719.185.028	19.788.013.382	6.184.047.979	17.418.835.942	0	503.110.082.331
- Tài sản không phân bổ						26.539.133.046
<b>Tổng tài sản</b>	<b>459.719.185.028</b>	<b>19.788.013.382</b>	<b>6.184.047.979</b>	<b>17.418.835.942</b>	<b>0</b>	<b>529.649.215.377</b>
- Nợ phải trả bộ phận	174.492.666.670	2.222.547.445	687.074.463	18.877.087.766	0	196.279.376.344
- Nợ phải trả không phân bổ						468.124.297
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>174.492.666.670</b>	<b>2.222.547.445</b>	<b>687.074.463</b>	<b>18.877.087.766</b>	<b>0</b>	<b>196.747.500.641</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.612.128.847	0	25.760.761.390	0	41.612.128.847	25.760.761.390
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.564.349.282	(3.039.049.510)	30.422.930.462	(3.983.066.338)	42.525.299.772	26.439.864.124
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.168.000.000	0	20.545.497.000	0	12.168.000.000	20.545.497.000
Đầu tư tài chính dài hạn	501.073.530	(622.330)	501.073.530	(792.730)	500.451.200	500.280.800
<b>Cộng</b>	<b>99.845.551.659</b>	<b>(3.039.671.840)</b>	<b>77.230.262.382</b>	<b>(3.983.859.068)</b>	<b>96.805.879.819</b>	<b>73.246.403.314</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	550.659.046.647	62.418.371.245	550.659.046.647	62.418.371.245
Vay và nợ	280.537.107.398	93.568.247.240	280.537.107.398	93.568.247.240
Chi phí phải trả	2.827.450.745	3.097.714.840	2.827.450.745	3.097.714.840
Các khoản phải trả khác	12.937.933.817	10.806.422.177	12.937.933.817	10.806.422.177
<b>Cộng</b>	<b>846.961.538.607</b>	<b>169.890.755.502</b>	<b>846.961.538.607</b>	<b>169.890.755.502</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 04. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.14). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>
<b>Số cuối năm</b>	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.182.987.523
<b>Cộng</b>	<b>4.182.987.523</b>
<b>Số đầu năm</b>	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14.237.002.762
- Phương tiện vận tải	26.740.762
<b>Cộng</b>	<b>14.263.743.524</b>

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho cán bộ công nhân viên vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	550.659.046.647	0	0	550.659.046.647
Vay và nợ	276.206.315.731	4.330.791.667	0	280.537.107.398
Chi phí phải trả	2.827.450.745	0	0	2.827.450.745
Các khoản phải trả khác	3.227.533.817	9.710.400.000	0	12.937.933.817
<b>Cộng</b>	<b>832.920.346.940</b>	<b>14.041.191.667</b>	<b>0</b>	<b>846.961.538.607</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	62.418.371.245	0	0	62.418.371.245
Vay và nợ	90.818.400.150	2.749.847.090	0	93.568.247.240
Chi phí phải trả	3.097.714.840	0	0	3.097.714.840
Các khoản phải trả khác	3.196.022.177	7.610.400.000	0	10.806.422.177
<b>Cộng</b>	<b>159.530.508.412</b>	<b>10.360.247.090</b>	<b>0</b>	<b>169.890.755.502</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**08. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

**Người lập biểu**



**Đỗ Xuân Quang**

**Trưởng phòng tài chính kế toán**



**Ngô Văn Hân**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**

